TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH VĨNH LONG	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 435/2025/DS - PT
Ngày 22 - 9 - 2025
V/v "*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đặng Văn Hùng

Các Thẩm phán: Bà Phạm Thị Hồng Hà

Ông Vương Minh Tâm

- Thư ký phiên tòa: Bà Tô Thị Út - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Long tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Hoàng - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 9 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long tiến hành xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 88/2025/TLPT - DS ngày 23 tháng 6 năm 2025 về việc "*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*".

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 25/2025/DS-ST ngày 28 tháng 02 năm 2025 của Tòa án nhân dân thành phố Trà Vinh (nay là Tòa án nhân dân Khu vực 10 – Vĩnh Long) bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 221/2025/QĐ-PT ngày 28 tháng 7 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 305/2025/QĐ – PT ngày 12 tháng 8 năm 2025 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Quỹ tín dụng nhân dân cơ sở L4.

Địa chỉ: Số D L, khóm A, phường D, thành phố T, tỉnh Trà Vinh (nay là phường L, tỉnh Vĩnh Long).

Người đại diện theo pháp luật: Ông Võ Quốc T - Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Người đại diện hợp pháp của ông T: ông Trần Quốc T1 – Chúc vụ: Trưởng phòng tín dụng thuộc Quỹ tín dụng Nhân dân cở sở L. Theo văn bản uỷ quyền số: 91/UQ-QTD ngày 11/8/2025 (có mặt).

- *Bị đơn*: Ông Phạm Thế H, sinh năm 1986 (xin giải quyết vắng mặt).

Địa chỉ: Số B, C, khóm I, phường D, thành phố T, tỉnh Trà Vinh (nay là phường L, tỉnh Vĩnh Long).

Chỗ ở: ấp L, phường D, thành phố T, tỉnh Trà Vinh (nay là phường L, tỉnh

Vĩnh Long).

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Ông Lê Hùng Q, sinh năm 1964 (có mặt).

Địa chỉ: Số C, L, khóm A, phường D, thành phố T, tỉnh Trà Vinh (nay là phường L, tỉnh Vĩnh Long). Hiện đang chấp hành án tại Trại giam B.

2. Ông Đồng Minh T2, sinh năm 1979 (xin giải quyết vắng mặt).

Địa chỉ: Khóm C, phường A, thành phố T, tỉnh Trà Vinh. Hiện đang chấp hành án tại Trại giam B.

3. Ông Huỳnh Văn T3, sinh năm 1972 (xin giải quyết vắng mặt).

Địa chỉ: Số B, B, ấp L, phường D, thành phố T, tỉnh Trà Vinh (nay là phường L, tỉnh Vĩnh Long).

4. Bà Tô Mỹ L, sinh năm 1961 (xin giải quyết vắng mặt).

5. Anh Nguyễn Phúc A, sinh năm 1997 (vắng mặt).

Nơi ĐKHKTT: Số B, khóm E, phường G, thành phố T, tỉnh Trà Vinh. Chỗ ở: Số A, T, Khóm B, Phường B, thành phố T, tỉnh Trà Vinh (nay là phường T, tỉnh Vĩnh Long).

- *Người kháng cáo:* Ông Lê Hùng Q là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn Quỹ tín dụng nhân dân cơ sở L4 trình bày: Ngày 31/12/2015, ông Phạm Thế H ký hợp đồng số 83/12/2015 vay vốn tại Quỹ tín dụng nhân dân cơ sở L số tiền 490.000.000 đồng, thời hạn vay 24 tháng, kỳ đến hạn ngày 31/12/2017, lãi suất 1,1%/tháng(13,2%/năm), lãi quá hạn 1,65%/tháng (19,8%/năm). Mục đích vay đầu tư cải tạo ao nuôi tôm. Để bảo đảm cho khoản vay, các ông Lê Hùng Q, Nguyễn Minh L1, Đồng Minh T2 và Huỳnh Văn T3 dùng tài sản là thửa đất số 799, tờ bản đồ số 8, diện tích 260m^2, loại đất ở, đất tọa lạc tại xã N, huyện D, tỉnh Trà Vinh để bảo lãnh cho ông H. Quá trình vay vốn, ông H không thực hiện đúng thỏa thuận, nợ quá hạn, đến ngày 02/7/2018, ông Nguyễn Minh L1 có nộp trả thay cho ông Phạm Thế H số tiền nợ gốc 490.000.000 đồng, nợ lãi chưa trả.

Nay Quỹ tín dụng Nhân dân cơ sở L4 yêu cầu ông Phạm Thế H liên đới cùng ông Lê Hùng Q, Đồng Minh T2, ông Huỳnh Văn T3, bà Tô Mỹ L, anh Nguyễn Phúc A (bà L, anh Phúc A là vợ và con của ông Nguyễn Minh L1) trả cho Q1 tín dụng Nhân dân cơ sở Long Bình số tiền nợ lãi là 180.565.000 đồng phát sinh từ khoản vay 490.000.000 đồng của Hợp đồng số 83/12/15 ngày 31/12/2015 do ông Phạm Thế H ký kết.

Đối với yêu cầu xử lý tài sản bảo lãnh cho khoản vay là thửa đất số 799, tờ bản đồ số 8, diện tích 260m^2, loại đất ở, đất tọa lạc tại xã N, huyện D, tỉnh Trà Vinh, nay Quỹ tín dụng xin rút lại yêu cầu này.

Bị đơn ông Phạm Thế H có lời trình bày: Ông xác nhận vào ngày 31/12/2015, ông có ký tên vay tiền ở Quỹ tín dụng L số tiền 490.000.000 đồng, thực tế ông không có nhận tiền, cũng không sử dụng khoản tiền nào trong số 490.000.000 đồng mà do ông đứng tên vay giùm các ông Lê Hùng Q, Đồng Minh T2, ông Huỳnh Văn T3, ông Nguyễn Minh L1. Toàn bộ bộ số tiền 490.000.000đ do các ông Q, T2, T3, L1 nhận và sử dụng. Do đó, ông khồng đồng ý yêu cầu của Quỹ tín dụng yêu cầu ông liên đới cùng ông Lê Hùng Q, Đồng Minh T2, ông Huỳnh Văn T3, bà Tô Mỹ L, anh Nguyễn Phúc A trả cho Q1 tín dụng L số tiền lãi 180.565.000 đồng.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lê Hùng Q trình bày: Ngày 31/12/2015, ông Lê Hùng Q cùng các ông Nguyễn Minh L1, ông Đồng Minh T2, ông Huỳnh Văn T3 có dùng tài sản là thửa đất số 799, tờ bản đồ số 8, diện tích 260m^2, loại đất ở, đất tọa lạc tại xã N, huyện D, tỉnh Trà Vinh do các ông chuyển nhượng của ông Lê Thanh L2 để bảo lãnh cho ông Phạm Thế H vay số tiền 490.000.000 đồng, mục đích vay cải tạo ao nuôi tôm. Thực tế ông H không nhận và sử tiền tiền mà chỉ đứng tên vay giùm, tiền do ông Lê Hùng Q cùng các ông Nguyễn Minh L1, ông Đồng Minh T2, ông Huỳnh Văn T3 nhận sử dụng. Ngày 02/7/2018, các ông Lê Hùng Q, Nguyễn Minh L1, ông Đồng Minh T2, ông Huỳnh Văn T3 đã vay chiết khấu tại Ngân hàng H1 - Chi nhánh T6 đã trả xong vốn gốc 490.000.000 đồng cho Quỹ tín dụng L. Do Quỹ tín dụng cần tiền "*thanh khoản*" để trả tiền gửi cho khách hàng nên các ông Q, T2, T3, L1 đồng ý để Quỹ tín dụng lấy tài sản của các ông thế chấp đem thế chấp vay tái chiết khấu tại Ngân hàng H1 chi nhánh T6 để trả gốc cho Quỹ tín dụng L. Theo quy định tại Quy chế mua bán nợ của Quỹ tín dụng L là trả nợ gốc trước hạn để tự "*thanh khoản*" cho Q1 tín dụng, tức là trả nợ gốc trước hạn không cần trả lãi thì hợp đồng vay đó tất toán. Đồng thời do dịch bệnh covid-19 diễn ra từ năm 2019 đến năm 2022 các nông sản tôm, thanh long không tiêu thụ được nên đề nghị được miễn lãi, chỉ trả nợ gốc. Nay, ông Q không đồng ý trả nợ lãi 180.565.000 đồng phát sinh từ hợp đồng vay số 83 ngày 31/12/2015.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Huỳnh Văn T3 trình bày: Ông thừa nhận Hợp đồng vay số 83 ngày 31/12/2015 do ông Phạm Thế H đứng tên vay là do ông Huỳnh Văn T3 và các ông Lê Hùng Q, Đồng Minh T2, Nguyễn Minh L1 nhờ ông H đứng tên vay giùm, mục đích vay tiền để cảo tạo ao nuôi tôm, thời hạn vay là 02 năm, tiền do ông T3 và các ông Q, T2, L1 nhận sử dụng. Đến ngày 02/7/2018, ông T3 và các ông Q, T2, L1 đã trả hết nợ gốc 490.000.000 đồng cho Quỹ tín dụng, còn nợ lãi 180.565.000 đồng chưa trả. Nay ông T3 có ý kiến, do tiền vay của hợp đồng nêu trên ông T3 và các ông Q, T2, L1 nhận sử dụng nên ông T3 và các ông Q, T2, bà Tô Mỹ L (vợ ông L1), Nguyễn Phúc A (con ông L1) phải có nghĩa vụ trả khoản lãi 180.565.000 đồng cho Quỹ tín dụng L. Nếu ông T3 và các ông Q, T2, bà Tô Mỹ L (vợ ông L1), Nguyễn Phúc A (con ông L1) không thực hiện được thì đồng ý cho phát mãi thửa đất số 799, tờ bản đồ số 8, diện tích 260m^2, loại đất ở, đất tọa lạc tại xã N, huyện D, tỉnh Trà Vinh mà các ông ký bảo lãnh cho ông H vay để Quỹ tín dụng thu hồi nợ.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Đồng Văn T4 trình bày: Ông T4 xác nhận số tiền 490.000.000 đồng theo hợp đồng vay số 83 ngày 31/12/2015 do

ông T4 và các ông Lê Hùng Q, ông Nguyễn Minh L1, ông Huỳnh Văn T3 nhờ ông Phạm Thế H đứng tên vay giùm các ông để cải tạo ao nuôi tôm ở xã N, huyện D. Các ông đã trả xong tiền gốc cho Quỹ tín dụng L (do ông Nguyễn Minh L1 đại diện trả), còn tiền lãi chưa trả. Nay, ông T4 đồng ý cùng ông Q, ông T3, bà Tô Mỹ L (vợ ông L1), Nguyễn Phúc A (con ông L1) có nghĩa vụ trả khoản lãi 180.565.000 đồng cho Quỹ tín dụng L.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Tô Mỹ L trình bày: Bà là vợ của ông Nguyễn Minh L1, ông L1 bệnh chết vào ngày 24/8/2024, bà và ông L1 có chung một người con là Nguyễn Phúc A, ngoài ra ông L1 không còn người con nào khác, ông L1 có cha là Nguyễn Văn T5, mẹ là Lưu Thị L3 đều đã chết. Khi còn sống ông L1 làm gì cũng không nói nên bà không biết việc ông L1 dùng tài sản bảo lãnh cho ông H vay tiền, tiền vay ai nhận sử dụng bà cũng không rõ. Nay bà đồng ý cùng ông Lê Hùng Q, Đồng Minh T2 và ông Huỳnh Văn T3 trả cho quỹ tín dụng nhân dân cơ sở Long Bình khoản tiền lãi 180.565.000 đồng phát sinh của khoản khoản vay 490.000.000 đồng theo hợp đồng vay số 83 ngày 31/12/2015 trong phạm vi di sản của ông Nguyễn Minh L1 để lại.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số: 25/2025/DS-ST ngày 28 tháng 02 năm 2025 của Tòa án nhân dân thành phố Trà Vinh (nay là Tòa án nhân dân Khu vực 10 – Vĩnh Long) đã quyết định:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của Quỹ tín dụng nhân dân cơ sở L4.

Buộc ông Lê Hùng Q, ông Đồng Minh T2, ông Huỳnh Văn T3 và bà Tô Mỹ L, anh Nguyễn Phúc A phải có nghĩa vụ trả cho Quỹ tín dụng nhân dân cơ sở Long Bình số tiền lãi 180.565.000 đồng *(Một trăm tám mươi triệu, năm trăm sáu mươi lăm nghìn đồng)*. Đối với bà Tô Mỹ L, anh Nguyễn Phúc A có nghĩa vụ trả trong phạm vi di sản do ông Nguyễn Minh L1 để lại.

2. Không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của Quỹ tín dụng nhân dân cơ sở L về yêu cầu ông Phạm Thế H liên đới cùng các ông Lê Hùng Q, Đồng Minh T2, Huỳnh Văn T3, bà Tô Mỹ L, anh Nguyễn Phúc A trả nợ lãi cho Q1 tín dụng L.

3. Đình chỉ giải quyết yêu cầu của Quỹ tín dụng nhân dân cơ sở Long Bình đối với yêu cầu xử lý tài sản bão lãnh là thửa đất số 799, tờ bản đồ số 8, diện tích 260m^2, loại đất ở, đất tọa lạc tại xã N, huyện D, tỉnh Trà Vinh do các ông Lê Hùng Q, Nguyễn Minh L1, Đồng Minh T2 và Huỳnh Văn T3 đứng tên quyền sử dụng đất.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về nghĩa vụ chịu án phí, nghĩa vụ chậm thi hành an, và quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 26 tháng 6 năm 2025, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Lê Hùng Q kháng cáo bản án sơ thẩm, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xem xét giải quyết sửa bản án sơ thẩm theo hướng: Trong số tiền 180.565.000 đồng phải trả cho Quỹ tính dụng nhân dân L5 phải tuyên cụ thể ông Lê Hùng Q, ông Đồng Minh T2, ông Huỳnh Văn T3 mỗi người phải có nghĩa vụ trả số tiền 45.141.250 đồng; bà Tô Mỹ L, anh Nguyễn Phúc A có nghĩa vụ trả số tiền 45.141.250 đồng; yêu cầu Tòa

án cấp phúc thẩm miễn án phí dân sự cho ông vì ông là người cao tuổi; yêu cầu Tòa án cấp phuc thẩm tuyên phát mãi tài sản thế chấp là thửa đất 799, tờ bản đồ số 8, diện tích 260m^2, tọa lạc xã N, huyện D, tỉnh Trà Vinh (nay là xã N, tỉnh Vĩnh Long) để trả số tiền lãi 180.565.000 đồng cho Q1 tín dụng nhân dân cơ sở L4.

Tại phiên tòa phúc thẩm, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn không rút yêu cầu khởi kiện; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lê Hùng Q giữ nguyên yêu cầu kháng cáo. Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Ý kiến của vị Kiểm sát viên:

- Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký đã tiến hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Các đương sự đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung vụ án, vị Kiểm sát viên cho rằng, Tòa án cấp sơ thẩm chưa tuyên rõ phần nghĩa vụ trả nợ của ông Lê Hùng Q, ông Đồng Minh T2, ông Huỳnh Văn T3, ông Nguyễn Minh L1 (người thừa kế là bà bà Tô Mỹ L, anh Nguyễn Phúc A) mỗi người là bao nhiêu nên cần tuyên rõ phần này; ông Lê Hùng Q là người cao tuổi, có đơn xin miễn án phí nên miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm cho ông Lê Hùng Q. Đối với kháng cáo của ông Lê Hùng Q yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩmphát mãi thửa đất 799 là không có cơ sở, vì nguyên đơn Quỹ tín dụng nhân dân cơ sở Long Bình không có khởi kiện yêu cầu về vấn đề này và Tòa án cấp sơ thẩm không thụ lý giải quyết nên Tòa án cấp phúc thẩm không xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ được xem xét tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về sự vắng mặt của đương sự: Bị đơn ông Phạm Thế H, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Đồng Minh T2, ông Huỳnh Văn T3, bà Tô Mỹ L vắng mặt nhưng có đơn xin giải quyết vắng mặt; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Nguyễn Phúc A vắng mặt nhưng đã được triệu tập hợp lệ. Phiên tòa hôm nay là phiên tòa mở lần thứ hai nên căn cứ vào Điều 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt đương sự trên.

[2] Xét kháng cáo của ông Lê Hùng Q yêu cầu yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xem xét giải quyết sửa bản án sơ thẩm theo hướng: Trong số tiền 180.565.000 đồng phải trả cho Quỹ tính dụng nhân dân L5 phải tuyên cụ thể ông Lê Hùng Q, ông Đồng Minh T2, ông Huỳnh Văn T3 mỗi người phải có nghĩa vụ trả số tiền 45.141.250 đồng; bà Tô Mỹ L, anh Nguyễn Phúc A có nghĩa vụ trả số tiền 45.141.250 đồng. Hội đồng xét xử xét thấy, Tòa án cấp sơ thẩm nhận định ông Lê Hùng Q, ông Đồng Minh T2, ông Huỳnh Văn T3, ông Nguyễn Minh L1 là người nhận số tiền vay 490.000.000 đồng nên có nghĩa vụ trả số tiền lãi hiện nay còn nợ là 180.565.000 đồng. Do ông L1 chết nên vợ ông L1 là bà Tô Mỹ L và con ông L1 là anh Nguyễn Phúc A có nghĩa vụ trả phần của ông L1. Tuy nhiên, trong phần quyết định của Bản án sơ thẩm tuyên chưa rõ nghĩa vụ của từng người nên cấp phúc thẩm tuyên lại phần này.

[3] Xét kháng cáo của ông Lê Hùng Q yêu cầu miễn án phí sơ thẩm cho ông, Hội đồng xét xử xét thấy ông Q là người cao tuổi nên căn cứ vào Điều 12, Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm cho ông Q.

[4] Xét kháng cáo của ông ông Lê Hùng Q yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm tuyên phát mãi thửa đất số 799, tờ bản đồ số 8, diện tích 260m^2, loại đất ở, tọa lạc xã N, huyện D, tỉnh Trà Vinh (nay là xã N, tỉnh Vĩnh Long) để trả số tiền nợ lãi 180.565.000 đồng cho Q1 tín dụng nhân dân cơ sở L, Hội đồng xét xử xét thấy: Nguyên đơn Quỹ tín dụng nhân dân cơ sở Long Bình chỉ yêu cầu bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trả số tiền nợ lãi 180.565.000 đồng trên số tiền vay 490.000.000 đồng của hợp đồng tín dụng thế chấp và cầm cố số: 83/12/2015 ngày 31/12/2015 mà không yêu cầu phát mãi tài sản thế chấp để thu hồi nợ. Theo Điều 5 của Bộ Luật tố tụng dân sự năm 2015 quy định thì Tòa án chỉ thụ lý giải quyết trong phạm vi yêu cầu khởi kiện của đương sự, nguyên đơn Quỹ tín dụng nhân dân cơ sở L4 không yêu cầu Tòa án xử lý tài sản thế chấp để thu hồi nợ nên Tòa án cấp sơ thẩm không giải quyết vấn đề này khi không có yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là đúng quy định của pháp luật. Do Tòa án cấp sơ thẩm không thụ lý, giải quyết vấn đề này nên ngoài phạm vi xét xử của cấp phúc thẩm nên yêu cầu kháng cáo này của ông Q là không có cơ sở chấp nhận.

[5] Xét ý kiến của vị Kiểm sát viên, như phân tích ở phần trên, Hội đồng xét xử xét thấy có cơ sở chấp nhận.

[6] Về án phí dân sự phúc thẩm: Ông Lê Hùng Q không phải chịu.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Chấp nhận một phần kháng cáo của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lê Hùng Q.

Sửa bản án dân sự sơ thẩm số: 25/2025/DS - ST ngày 28 tháng 02 năm 2025 của Tòa án nhân dân thành phố Trà Vinh (nay là Tòa án nhân dân Khu vực 10 – Vĩnh Long).

Áp dụng các Điều 463, Điều 466, Điều 468, Điều 615, Điều 651của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Áp dụng khoản 2 Điều 100, khoản 38 Điều 4 Luật các Tổ chức tín dụng năm 2024;

Áp dụng các Điều 12, 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của Quỹ tín dụng nhân dân cơ sở L4.

Buộc ông Lê Hùng Q, ông Đồng Minh T2, ông Huỳnh Văn T3, người thừa kế của ông Nguyễn Minh L1 gồm bà Tô Mỹ L, anh Nguyễn Phúc A phải có nghĩa vụ trả cho Q1 tín dụng nhân dân cơ sở Long Bình số tiền nợ lãi 180.565.000đồng. Trong đó, ông Lê Hùng Q có nghĩa vụ trả ¼ = 45.141.250đồng; ông Đồng Minh T2 có nghĩa vụ trả ¼ = 45.141.250đồng; ông Huỳnh Văn T3 có nghĩa vụ trả ¼ = 45.141.250đồng; người thừa kế của ông Nguyễn Minh L1 gồm bà Tô Mỹ L, anh Nguyễn Phúc A phải có nghĩa vụ trả ¼ = 45.141.250đồng. Bà Tô Mỹ L, anh Nguyễn Phúc A có nghĩa vụ trả trong phạm vi di sản do ông Nguyễn Minh L1 để lại.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của Quỹ tín dụng nhân dân cơ sở L về yêu cầu ông Phạm Thế H liên đới cùng các ông Lê Hùng Q, Đồng Minh T2, Huỳnh Văn T3, bà Tô Mỹ L, anh Nguyễn Phúc A trả nợ lãi cho Q1 tín dụng L.

3. Đình chỉ giải quyết yêu cầu của Quỹ tín dụng nhân dân cơ sở Long Bình đối với yêu cầu xử lý tài sản bão lãnh là thửa đất số 799, tờ bản đồ số 8, diện tích 260m^2, loại đất ở, tọa lạc xã N, huyện D, tỉnh Trà Vinh (nay là xã N, tỉnh Vĩnh Long) do các ông Lê Hùng Q, Nguyễn Minh L1, Đồng Minh T2 và Huỳnh Văn T3 đứng tên quyền sử dụng đất.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm cho ông Lê Hùng Q.

Buộc ông Đồng Minh T2, ông Huỳnh Văn T3 mỗi người phải chịu 2.257.062 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Buộc bà Tô Mỹ L, anh Nguyễn Phúc A phải chịu 2.257.062 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Quỹ tín dụng nhân dân cơ sở L4 không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm nên được nhận lại số tiền tạm ứng án phí 4.514.000đồng theo Biên lai thu tiền số 0001066 ngày 21/11/2024 của Chi cục Thi hành án Dân sự thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh (nay là Phòng Thi hành án dân sự Khu vực 10 – Vĩnh Long).

5. Về án phí dân sự phúc thẩm: Ông Lê Hùng Q không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị, không bị cải sửa có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, và 9

Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

***Nơi nhận*:**
- VKSND tỉnh Vĩnh Long;
- TAND Khu vực 10 – Vĩnh Long;
- Phòng THADS Khu vực 10 – Vĩnh Long;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, TDS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đặng Văn Hùng